TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2024/DS-ST
Ngày: 19-12-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H1.

Bà Bùi thị Thúy B.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/20l4/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H - Sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp SL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn K - Sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị B - Sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp SP, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT. Ông K có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Lê Văn K là con ruột bà Lê Thị H. Vào năm 2018, vì già yếu, hay bệnh tật nên bà H về nhà vợ chồng K sinh sống. Do tin tưởng K là con ruột nên bà H đưa cho K 04 chỉ vàng 24kara (1 chiếc nhẫn 1 chỉ vàng 24kara, 1 chiếc nhẫn 3 chỉ vàng 24kara), để cho K giữ dùm, K nhận vàng và giao lại cho vợ K là Nguyễn Thị B cất giữ. Sau đó, K mượn thêm của bà H số tiền 1.000.000đồng (1 lần mượn 500.000đồng để mua cá nuôi, 1 lần mượn 500.000đồng đi đám thôi nôi người bà con). K hứa khi nào lãnh lương sẽ trả lại 1.000.000đồng cho bà nhưng chờ hoài không trả nên bà H đòi K trả tiền, K không trả tiền mà còn có thái độ với bà.

Vì vậy, nay bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê Văn K trả cho bà 4 chỉ vàng 24kara và số tiền 1.000.000đồng, bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Nguyễn Thị B (là vợ K). Bà H không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024, bị đơn ông Lê Văn K trình bày: Ông K thừa nhận có nhận của mẹ ông là bà Lê Thị H số tiền

1.000.000đồng và 4 chỉ vàng 24kara, ông K hứa khoảng đầu tháng 02 năm 2025, ông K sẽ gửi trả lại cho bà H, ông làm có bao nhiêu sẽ gửi trả bấy nhiêu cho đến khi trả đủ số tiền vàng nêu trên.

Do bận công việc đi làm ăn nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 554, 556, 557, 559, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu của bà H: Buộc ông K trả lại cho bà H 04 chỉ vàng 24kara và 1.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà B liên đới với ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K có địa chỉ tại ấp Sơn Phụng, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT trả cho bà số tiền vay là 1.000.000đồng và 04 chỉ vàng 24kara đã gửi ông K. Do đó, đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*" và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 463, 466, 554, 556, 557, 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn (ông K) có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông K là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng số tiền và vàng bà giao trực tiếp cho ông K nên bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Sơn Phụng, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (vợ của ông K) nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu ông Lê Văn K trả cho bà số tiền 1.000.000đồng và 04 chỉ vàng 24 kara. Bản thân ông K cũng thừa nhận có nhận của bà H số tiền 1.000.000đồng và 4 chỉ vàng 24kara và đồng ý trả cho bà H nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Bà H cho rằng giữa bà và ông K không có thỏa thuận đối với tiền công gửi giữ và ông K cũng không có ý kiến yêu cầu đối với tiền công gửi giữ nên không xem xét.

[4] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 463, 466, 554, 556, 557, 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Lê Văn K.

Buộc ông Lê Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) và 04 (bốn) chỉ vàng 24 kara.

Ghi nhận bà Lê Thị H không yêu cầu tính lãi và ông Lê Văn K không có ý kiến yêu cầu đối với tiền công gửi giữ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Sơn Phụng, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn K phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.710.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu